

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 152/2022/HSST
Ngày 07-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức
2. Bà Bùi Phương Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 141/2022/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Phạm Đình C, sinh ngày 07/7/1982 tại T; Nơi cư trú: thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Đình V1 và bà Nguyễn Thị C1; Có vợ là Đình Thị T1 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/8/2011 UBND thành phố T, tỉnh T ra Quyết định số 3797/QĐ-CT về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do nghiện ma túy thời gian 12 tháng, chấp hành xong ngày 16/8/2012.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 chuyển tạm giam ngày 18/7/2022. Trích xuất, có mặt.

*** Người chứng kiến:**

- Anh Dương Ngọc H, sinh năm 1985; Trú tại: Số nhà 10, tổ 5, phường B, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1973; Trú tại: thôn T2, xã L, huyện K1, tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 15/7/2022, Phạm Đình C đi xe ôm từ nhà đến khu vực đường P, tổ 18, phường K2, thành phố T, tỉnh T mục đích mua Hêrôin để sử dụng cho bản thân. Tại đây, C gặp và mua của một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 gói Hêrôin, bên ngoài được gói bằng giấy trắng kim màu trắng với giá 200.000 đồng, C cầm gói Hêrôin ở lòng bàn tay trái đi bộ tìm chỗ để sử dụng. Đến khoảng 08 giờ 10 phút cùng ngày C đi đến khu vực trước cửa số nhà 143, đường P, tổ 17, phường K2, thành phố T, tỉnh T thì tổ công tác Công an thành phố Thái Bình nghi ngờ liên quan đến ma túy nên yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của anh Dương Ngọc H và anh Nguyễn Xuân H1, C tự đưa từ lòng bàn tay trái của mình giao nộp cho tổ công tác 01 gói bằng giấy trắng kim màu trắng, mở kiểm tra bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, C khai là gói Hêrôin của C vừa mua, mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác niêm phong trong phong bì dán kín, trên mép dán có chữ ký của C và những người chứng kiến, tổ công tác đưa C và mời người chứng kiến về trụ sở Công an phường K2, thành phố T để làm việc, tiến hành kiểm tra người thu tại túi quần hậu bên phải của Phạm Đình C số tiền 119.000 đồng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, tài sản theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 292/KL-KTHS (MT) ngày 18/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “*Mẫu vật quản lý của Phạm Đình C gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,1686 gam (không phải một nghìn sáu trăm tám mươi sáu gam).*”

Tại bản Cáo trạng số 158/CT-VKSTP ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Phạm Đình C về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận Kiểm sát viên luận tội bị cáo giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Đình C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Phạm Đình C mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định niêm phong trong phong bì số 292/KL-KTHS (MT), trả lại cho Phạm Đình C số tiền 119.000 đồng nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, Phạm Đình C đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã mô tả và không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên.

Khi trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến là anh Dương Ngọc H và anh Nguyễn Xuân H1 được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Thái Bình lập hồi 08 giờ 30 phút ngày 15/7/2022, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu và bản kết luận giám định số 292/KL-KTHS (MT) ngày 18/7/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 08 giờ 10 phút ngày 15/7/2022, tại khu vực trước cửa số nhà 143, đường P, tổ 17, phường K2, thành phố T, tỉnh T, Phạm Đình C tàng trữ trái phép 0,1686 gam Heroin, mục đích sử dụng cho bản thân.

[3] Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, hiểu rõ tác hại của ma túy và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đó của Phạm Đình C đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố là có căn cứ.

Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: “*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

a).....

c) *Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam*”.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của vụ án thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với công cuộc đấu tranh của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta bài trừ tệ nạn ma túy ra khỏi đời sống xã hội nên tính chất vụ án là nghiêm trọng, cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo có 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tính đến thời điểm phạm tội đã xóa coi là không bị xử lý hành chính. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử lên mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng, bản thân không có việc làm và thu nhập không ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về nguồn gốc ma túy bị thu giữ, bị cáo khai mua của một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực đường P, tổ 18, phường K2, thành phố T nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ hoàn lại sau giám định là chất thuộc danh mục Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu để tiêu hủy. Qua điều tra xác định số tiền 119.000 đồng là tiền bị cáo dùng để chi tiêu hàng ngày không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho Phạm Đình C là phù hợp.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 47, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đình C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Đình C 01 (một) năm 01 (một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 15/7/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu 0,1360 gam mẫu vật hoàn lại sau giám định niêm phong trong phong bì số 292/KL-KTHS (MT) để tiêu hủy. Trả lại cho bị cáo Phạm Đình C số tiền 119.000 đồng (một trăm mười chín nghìn đồng), nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình quản lý có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/10/2022).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Đình C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Đình C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/11/2022.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Thái Bình.
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- CQCSĐT Công an TP. Thái Bình;
- CQTHAHS Công an TP. Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Sơn